

QUYẾT ĐỊNH

Chương trình quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị năm 2021

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢNG TRỊ

Căn cứ Thông tư số 19/2013/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quan trắc tài nguyên nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quan trắc và điều tra khảo sát xâm nhập mặn;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3364/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Phê duyệt đề án Xây dựng mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định chương trình quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị năm 2021, gồm các nội dung sau đây:

1. Mục tiêu quan trắc

- Theo dõi diễn biến các thành phần tài nguyên, môi trường cơ bản trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở để đánh giá hiện trạng tài nguyên và môi trường, cung cấp số liệu, dữ liệu cho các cơ quan quản lý xây dựng kế hoạch bảo vệ tài nguyên, môi trường hàng năm và dài hạn;

- Báo cáo kịp thời hiện trạng các thành phần tài nguyên, môi trường, sự biến động số lượng, chất lượng.

2. Đối tượng quan trắc

- Quan trắc tài nguyên nước mặt, tài nguyên nước dưới đất.
- Quan trắc môi trường nước mặt (sông, hồ), môi trường nước dưới đất, môi trường nước biển ven bờ, môi trường nước thải đô thị, môi trường không khí xung quanh-độ rung-tiếng ồn, môi trường đất, môi trường trầm tích sông.

3. Nội dung quan trắc

a) Vị trí quan trắc

- Quan trắc tài nguyên nước mặt: 06 vị trí.
- Quan trắc tài nguyên nước dưới đất: 08 vị trí.
- Quan trắc môi trường nước sông: 32 vị trí.
- Quan trắc xâm nhập mặn: 14 vị trí.
- Quan trắc môi trường nước hồ: 10 vị trí.
- Quan trắc môi trường nước biển ven bờ: 9 vị trí.
- Quan trắc môi trường nước dưới đất: 25 vị trí.
- Quan trắc môi trường nước thải đô thị: 11 vị trí.
- Quan trắc môi trường không khí xung quanh-độ rung-tiếng ồn: 25 vị trí.
- Quan trắc môi trường đất: 15 vị trí.
- Quan trắc môi trường trầm tích sông: 07 vị trí.

(Vị trí cụ thể ở Phụ lục 1)

b) Tần suất quan trắc

- Quan trắc tài nguyên nước mặt: 2 đợt/năm (mùa khô và mùa mưa).
- Quan trắc tài nguyên nước dưới đất: 2 đợt/năm (05 lần/tháng mùa khô và 10 lần/tháng mùa mưa).
- Quan trắc môi trường nước sông, hồ (quan trắc không liên tục):
 - + Quan trắc nền: 1 đợt/tháng;
 - + Quan trắc tác động: 1 đợt/quý;
 - + Quan trắc xâm nhập mặn: 1 đợt/tuần (từ tháng 3 đến tháng 8). Mỗi đợt quan trắc 1 ngày đêm/vị trí, số lượng mẫu 3 mẫu/lần/vị trí và 12 lần/ngày.đêm (chế độ đo 02 giờ/lần và đo tầng mặt, tầng giữa, tầng đáy).
- Quan trắc môi trường nước biển ven bờ (quan trắc không liên tục): quan trắc 02 mẫu/vị trí tại mỗi đợt (chân triều và đỉnh triều biên độ lớn):
 - + Quan trắc nền: 02 đợt/năm;
 - + Quan trắc tác động: 01 đợt/quý.

+ Quan trắc đột biến: 1 đợt/tháng, đối với thông số F^- tại thôn Thái Lai, xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh.

- Quan trắc môi trường nước dưới đất: 2 đợt/năm (mùa khô và mùa mưa).

- Quan trắc môi trường không khí xung quanh-độ rung-tiếng ồn (đối với quan trắc không liên tục).

+ Quan trắc nền: 1 đợt/tháng;

+ Quan trắc tác động: 6 đợt/năm.

- Quan trắc môi trường đất: 1 đợt/năm.

- Quan trắc nước thải đô thị: 2 đợt/năm (mùa khô và mùa mưa).

- Quan trắc môi trường trầm tích sông: 1 đợt/năm.

c) Thời gian quan trắc:

Chi tiết tại Phụ lục 2.

d). Thông số quan trắc

- Quan trắc tài nguyên nước mặt: Mức nước, lưu lượng (lồng ghép với quan trắc môi trường).

- Quan trắc tài nguyên nước dưới đất (đối với các giếng quan trắc): Mức nước, nhiệt độ, chiều sâu giếng (lồng ghép với quan trắc môi trường).

- Quan trắc môi trường nước biển ven bờ (quan trắc không liên tục): pH, nhiệt độ, DO, TSS, NH_4-N , PO_4-P , Fe, F^- , Dầu mỡ khoáng, Phenol tổng số, CN^- , Cr(VI), Mn, Cu, Zn, Cd, Pb, As, Hg.

- Quan trắc môi trường nước sông, hồ (quan trắc không liên tục): pH, nhiệt độ, độ mặn (tại 14 vị trí quan trắc xâm nhập mặn), F^- , TSS, DO, BOD₅, COD, NO_3-N , NH_4-N , PO_4-P , Fe, Tổng dầu mỡ, HCBVTV nhóm Clo, E.coli, Coliform;

- Quan trắc môi trường nước dưới đất: pH, TDS, chỉ số pemanganat, Độ cứng, NH_4-N , NO_2-N , NO_3-N , SO_4^{2-} , PO_4-P , Cr(VI), Mn, Cu, Zn, As, Hg, Fe, HCBVTV nhóm Clo, Coliform, E.coli.

- Quan trắc môi trường không khí xung quanh-độ rung-tiếng ồn (quan trắc 1h): Vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, hướng gió), độ rung, bụi lơ lửng, tiếng ồn, CO, NO_2 , SO_2 ;

- Quan trắc môi trường đất: pH_{KCl} , Ca trao đổi, Mg trao đổi, Fe di động, Clorua trao đổi, P_2O_5 tổng số, K_2O tổng số, Tổng N, Tổng P, Cd, Zn, As, Cu, Pb, Tổng hữu cơ, HCBVTV nhóm Clo.

- Quan trắc môi trường nước thải đô thị: pH, TSS, TDS, BOD₅, COD, NH_4-N , PO_4-P , Tổng dầu mỡ, Coliform.

- Quan trắc môi trường trầm tích sông: Cd, Zn, As, Cu, Pb, Hg, Cr tổng, HCBVTV nhóm Clo, Tổng cacbon hữu cơ.

e) Lồng ghép quan trắc

- Lồng ghép quan trắc tài nguyên với quan trắc môi trường:

+ Quan trắc tài nguyên nước mặt: tại 06 vị trí, trong đó có 05 vị trí lồng ghép với quan trắc chất lượng môi trường.

+ Quan trắc tài nguyên nước dưới đất: tại 08 vị trí lồng ghép với quan trắc chất lượng môi trường.

- Lồng ghép, kế thừa dữ liệu giữa mạng lưới quan trắc tài nguyên môi trường của tỉnh với mạng lưới quốc gia theo quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

f) Mẫu kiểm soát chất lượng

- Môi trường nước sông: 01 mẫu QC/đợt (điểm nền); 02 mẫu QC/đợt (điểm tác động);

- Môi trường nước hồ: 01 mẫu QC/đợt;

- Môi trường nước biển ven bờ: 02 mẫu QC/đợt (điểm tác động)

- Môi trường nước ngầm: 02 mẫu QC/đợt;

- Môi trường không khí: 02 mẫu QC/đợt (điểm tác động);

- Môi trường đất: 02 mẫu QC/đợt;

- Nước thải đô thị: 01 mẫu QC/đợt;

- Trầm tích: 01 mẫu QC/đợt.

- Quan trắc xâm nhập mặn: 03 mẫu QC/đợt.

4. Sản phẩm

- Bảng tổng hợp kết quả sau mỗi tháng quan trắc: 01 bộ/đợt, trong thời gian 15 ngày của tháng tiếp theo. Riêng đối với quan trắc xâm nhập mặn báo cáo kết quả bằng văn bản sau mỗi ngày quan trắc.

- Báo cáo tóm tắt kết quả quan trắc tài nguyên và môi trường quý 1, quý 2 và quý 3: 01 bộ/quý, giao nộp trước ngày 15 tháng đầu tiên của quý tiếp theo.

- Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị: 03 bộ/năm, đề nghị thẩm định nghiệm thu trước ngày 15/12 hàng năm.

- Báo cáo chuyên đề kết quả xâm nhập mặn tại các sông quan trắc: 03 bộ/năm.

- Phiếu kết quả thử nghiệm, biên bản hiện trường: 02 bộ/năm (lập danh mục theo từng đối tượng, thời gian quan trắc).

- Báo cáo kinh phí thực hiện nhiệm vụ: 03 bản

- Đĩa CD sản phẩm đã hoàn thiện: 02 đĩa.

Điều 2. Đơn vị thực hiện: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

Giám đốc Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán thực hiện hàng năm; lập kế hoạch quan trắc hàng tháng gửi Chi cục Bảo vệ môi trường và phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện trước ngày đầu tiên của tháng quan trắc để các đơn vị cử cán bộ phối hợp

thực hiện; báo cáo kết quả quan trắc hàng tháng với Sở (thông qua Chi cục Bảo vệ môi trường) trước ngày 15 của tháng tiếp theo; đối với quan trắc xâm nhập mặn, báo cáo số liệu trực tiếp với UBND tỉnh, Đài truyền hình, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chi cục Bảo vệ môi trường để kịp thời thông báo, cảnh báo; hoàn thành hồ sơ nghiệm thu sơ bộ gửi Sở (thông qua Chi cục Bảo vệ môi trường) trước ngày 15 của quý tiếp theo; thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Giám đốc Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị và Trưởng phòng các phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND các huyện, TX, TP (p/hợp);
- GD, các PGD;
- Phòng Khoáng sản – Nước;
- Phòng Quản lý Đất đai;
- Lưu: VT, CCBVMT (3).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Nam

PHỤ LỤC 1: VỊ TRÍ QUAN TRẮC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-STNMT ngày tháng năm 20....
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Vị trí quan trắc tài nguyên nước dưới đất

Stt	Huyện/ thị xã/ thành phố	Số mẫu	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
1	Huyện Triệu Phong	01	Điểm nuôi tôm xã Triệu An, huyện Triệu Phong	TNTA	Cố định
2	Huyện Gio Linh	01	Điểm xã Gio Mỹ, huyện Gio Linh	TNGM	Cố định
3		01	Điểm KCN Quán Ngang	TNQN	Cố định
4	Huyện Vĩnh Linh	02	Điểm nuôi tôm xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Linh	TNVT	Cố định
5			Điểm nuôi tôm xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh	TNVTh	Cố định
6	Thị xã Quảng Trị	01	Điểm phường 2, thị xã Quảng Trị	TNQT1	Cố định
7	Thành phố Đông Hà	02	Điểm phường 2, TP Đông Hà	TNĐH1	Cố định
8			Điểm Khu công nghiệp Nam Đông Hà, P. Đông Lương - TP Đông Hà	TNĐH2	Cố định

2. Vị trí quan trắc tài nguyên nước mặt

Stt	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
1	Trạm thủy văn Đakrông, xã Đakrông, huyện Đakrông	TNMDK	Cố định
2	Trạm thủy văn Cửa Việt, thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh	TNMCV	Cố định
3	Trạm thủy văn Đông Hà, Phường 3, TP. Đông Hà	TNMDH	Cố định
4	Trạm thủy văn Gia vòng, xã Vĩnh Trường, huyện Gio Linh	TNMGV	Cố định
5	Trạm thủy văn cửa sông Cửa Tùng	TNMCT	Cố định
6	Trạm thủy văn Mỹ Chánh, xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng	TNMHS	Cố định

3. Vị trí quan trắc môi trường nước sông

Stt	Tên sông	Số vị trí	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
1	Sông Thạch Hãn	05	Điểm tại khu vực xã A Bung, trên sông Đakrông	TH1-1	Nền
			Trạm thủy văn Quốc gia Đakrông	TH1QG3	Tác động
			Điểm trung tâm thị xã Quảng Trị	TH4	Tác động

Stt	Tên sông	Số vị trí	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
			Điểm cách ngã 3 Gia Độ 1km về phía hạ lưu	TH6	Tác động
			Điểm tại cảng Cửa Việt, Gio Linh	TH7	Tác động
2	Rào Quán	01	Điểm cách điểm giao nhau với sông Đakrông 1km phía thượng lưu	RQ2	Tác động
3	Nhùng	01	Điểm tại xã Hải Lâm, huyện Hải Lăng	SN1	Tác động
4	Hiếu	04	Trạm thủy văn Đầu Mầu	SH1QG1	Nền
			Tại cầu Đuôi, Cam Lộ	SH2	Tác động
			Trạm thủy văn Đông Hà	SH4QG2	Tác động
			Điểm cách cầu Đông Hà 500m về phía hạ lưu	SH5	Tác động
5	Vĩnh Phước	02	Điểm cách trạm bơm 1 của Công ty cấp thoát nước Quảng Trị khoảng 4 km về thượng nguồn	VP1	Nền
			Điểm cách cầu Lai Phước khoảng 1 km về phía hạ lưu, nằm trên đập ngăn mặn	VP3	Tác động
6	Vĩnh Định, Ô Lâu	05	Trạm thủy văn Thạch Hãn thuộc xã Hải Xuân, Hải Lăng	VĐ1QG6	Tác động
			Điểm tại chân cầu bắc qua sông Vĩnh Định thuộc xã Hải Thiện	VĐ2	Tác động
			Điểm cách khu vực Mỹ Chánh khoảng 03km về phía thượng lưu trên sông Ô Lâu	OL1	Nền
			Điểm tại xã Hải Hòa, cách điểm hợp lưu với kênh Mai Lĩnh 1km về phía hạ lưu trên sông Ô Lâu	OL1-1	Tác động
			Điểm tại trạm thủy văn Hải Tân, trên sông Ô Lâu	OL2QG7	Tác động
7	Sê Pôn	03	Điểm tại xã Xi (gần đồn Biên phòng 617)	SP1	Nền
			Điểm giao nhau giữa sông Sepon và suối La La	SP2	Tác động
			Điểm trước khi chảy qua địa phận nước Lào	SP3	Tác động
8	Bến Hải	03	Tại trạm thủy văn Gia Vòng, Vĩnh Trường, Gio Linh	BH1QG1	Nền
			Cách cầu Hiền Lương về phía thượng lưu 2 km	BH3	Tác động
			Điểm tại cầu Cửa Tùng	BH5	Tác động
9	Cánh Hòm	02	Điểm tại thôn Xuân Mỹ, xã Trung Giang, trên sông Cánh Hòm	CH1	Tác động
			Điểm tại thôn Lại An, xã Gio Mỹ,	CH2	Tác động

Stt	Tên sông	Số vị trí	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
			trên sông Cánh Hòm		
10	Sa Lung	03	Điểm cách kho TBVTV Bến Quan 3 km về thượng lưu	SL1	Nền
			Điểm tại cầu Sa Lung	SL2	Tác động
			Cách điểm giao nhau với sông Bến Hải 2km về phía thượng lưu.	SL3	Tác động
11	Sêpăng Hiêng	03	Điểm tại xã Hường Lập, trước khi đổ ra biên giới Việt Lào	SPA1	Tác động
			Điểm tại cầu Cheng xã Hường Phùng (suối CỎ Nhồi, sông Sen)	SPA2	Tác động
			Điểm tại suối Xa Ry, thôn Chênh Vênh, xã Hường Phùng	SPA3	Tác động

4. Vị trí quan trắc xâm nhập mặn

Stt	Tên sông	Số vị trí	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
1	Thạch Hãn	04	Chân đập Trầm	TH4-1	QT xâm nhập mặn
			Trung tâm thị xã Quảng Trị	TH4	
			Tại cầu An Mô	TH2	
			Cầu Đại Lộc	TH5	
2	Hiếu	04	Cầu Đuôi, Cam Lộ	SH2	QT xâm nhập mặn
			Cầu Treo Cam Hiếu	SH3	
			Trạm thủy văn Đông Hà	SH4QG2	
			Điểm cách cầu Đông Hà 500m về phía hạ lưu	SH5	
	Bến Hải	03	Cầu Tiên An, Vĩnh Sơn	BH2	QT xâm nhập mặn
			Điểm cách cầu Hiền Lương khoảng 2km về thượng lưu	BH3	
			Điểm cách cầu Hiền Lương khoảng 5km về phía hạ lưu	BH4	
	Sa Lung	03	Điểm tại chân đập ngăn mặn sông Sa Lung	SL2-1	QT xâm nhập mặn
			Tại Cầu đường sắt Sa Lung (SL3+6km)	SL2	
			Cách điểm giao nhau với sông Bến Hải 2km về phía thượng lưu	SL3	

5. Vị trí quan trắc môi trường nước hồ

Stt	Huyện/thị xã/ thành phố	Số vị trí	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
1	Huyện Hải Lăng	02	Khu du lịch sinh thái Trầm Trà Lộc	H13	Tác động
			Hồ Khe Chè, TT. Hải Lăng	H14	Tác động

Stt	Huyện/thị xã/ thành phố	Số vị trí	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
2	Thị xã Quảng Trị	01	Hồ Tích Tường, thị xã Quảng Trị	H3	Tác động
3	Thành phố Đông Hà	04	Tại hồ Trung Chỉ, phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà	H9	Tác động
			Tại hồ Khe Mây (Phường 3, Đông Hà)	H8	Tác động
			Hồ Đại An	H17	Tác động
			Hồ Nam Hào (hồ Khe Sắn)	H18	Tác động
4	Huyện Vĩnh Linh	01	Tại Bàu Thủy Ú thuộc xã Vĩnh Tú	H2	Tác động
5	Huyện Hướng Hóa	02	Tại hồ Khe Sanh	H4	Tác động
			Hồ Lao Bảo	H5	Tác động

6. Vị trí quan trắc nước biển ven bờ

Stt	Huyện/ thị xã	Số vị trí	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
1	Huyện Vĩnh Linh	03	Điểm tại khu vực thôn Thái Lai, xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh	B1	Tác động
			Điểm tại mũi Si, xã Vĩnh Thạch, huyện Vĩnh Linh	B7	Nền
			Trạm thủy văn cửa sông Cửa Tùng	B2QG8	Tác động
2	Huyện Gio Linh	02	Điểm tại khu vực giữa bãi tắm Gio Hải và bãi tắm Cửa Việt	BGH	Tác động
			Trạm thủy văn cửa sông Cửa Việt	B3QG9	Tác động
3	Huyện Triệu Phong	02	Bãi tắm Triệu Lăng, xã Triệu Lăng	B8	Tác động
			Điểm tại khu vực xã Triệu An, huyện Triệu Phong	B10	Tác động
4	Huyện Hải Lăng	02	Bãi tắm Mỹ Thủy	B4	Tác động
			Điểm tại thôn Thâm Khê, xã Hải Khê	B9	Tác động

7. Vị trí quan trắc môi trường nước dưới đất

Stt	Huyện/ thị xã	Số vị trí	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
1	Huyện	05	Điểm tại thị trấn Hải Lăng	NN44	Lưu động

Stt	Huyện/ thị xã	Số vị trí	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
	Hải Lăng		Khu vực nuôi tôm xã Hải Ba, Hải Lăng	NN29	Lưu động
			Làng nghề Rượu Kim Long, Hải Lăng	NN55	Lưu động
			Điểm khai thác titan xã Hải Khê, Hải Lăng	NN71	Lưu động
			Điểm tại khu vực xã Hải Hòa, huyện Hải Lăng	NN15	Lưu động
2	Huyện Triệu Phong	03	Khu vực nuôi tôm ở xã Triệu An (Giếng quan trắc)	NN30	Lưu động
			Khu vực nuôi tôm xã Triệu Vân, huyện Triệu Phong	NN30b	Lưu động
			Điểm tại thị trấn Ái Tử	NN 43	Lưu động
3	Thị xã Quảng Trị	02	Khu vực phường 2, Thị xã Quảng Trị	NN36a	Lưu động
			Cụm Công nghiệp Cầu Lòn Thị xã Quảng Trị	NN25	Lưu động
4	Huyện Vĩnh Linh	05	Khu vực nuôi tôm ở xã Vĩnh Thành (Giếng quan trắc)	NN28	Cố định
			Điểm khai thác titan Vĩnh Thái (Giếng quan trắc)	NN62	Cố định
			Khu vực nuôi tôm ở xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh	NN1	Lưu động
			Khu vực thị trấn Hồ Xá	NN42	Lưu động
			Khu CN Bắc Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	NN69	Lưu động
5	Huyện Gio Linh	04	Điểm khai thác titan Thủy Khê xã Gio Mỹ, Gio Linh (Giếng quan trắc)	NN63	Cố định
			KCN Quán Ngang	NN21	Cố định
			Xã Gio Mai, Huyện Gio Linh	NN27	Lưu động
			Xã Gio Hải, Huyện Gio Linh	NN47	Lưu động
6	Thành phố Đông Hà	04	Khu dân cư phía Đông bãi rác Đông Hà	NN31	Tác động
			KCN Nam Đông Hà (Giếng quan trắc)	NN20	Cố định
			Khu vực phường 2, thành phố Đông Hà	NN36b	Cố định
			Khu vực nghĩa trang liệt sỹ Đường 9, TP Đông Hà	NN58	Lưu động

Stt	Huyện/ thị xã	Số vị trí	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
7	Huyện Hương Hoá	02	Khu Thương mại thị trấn Lao Bảo	NN22	Tác động
			Thị trấn Khe Sanh	NN38	Tác động

8. Vị trí quan trắc môi trường không khí

Stt	Huyện/ thị xã/ thành phố	Số vị trí	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
1	Huyện Hải Lăng	04	Ngã ba đường về chợ Diên Sanh và Quốc lộ 1A	K14	Tác động
			Cụm công nghiệp Diên Sanh	K17	Tác động
			Khu vực Mỹ Thủy, xã Hải An	K19	Tác động
			Phía Tây Khu kinh tế Đông Nam	K65	Tác động
2	Huyện Triệu Phong	01	Thị trấn Ái Tử	K20	Tác động
3	Thị xã Quảng Trị	02	Giao giữa đường Trần Hưng Đạo và Quốc lộ 1A	K11	Tác động
			Ngã tư chợ thị xã Quảng Trị	K10	Tác động
4	Huyện Vĩnh Linh	02	Thị trấn Hồ Xá	K30	Tác động
			Thị trấn Bến Quan	K31	Tác động
5	Huyện Gio Linh	02	Trung tâm thị trấn Cửa Việt	K27	Tác động
			Thị trấn Gio Linh	K24	Tác động
6	Thành phố Đông Hà	05	Nút giao thông giữa quốc lộ 1A và đường 9D	K2	Tác động
			KCN Nam Đông Hà	K5	Tác động
			Khu phố 1, phường 4, Đông Hà (trên trục Quốc lộ 9, gần Công ty cổ phần Minh Hưng)	K6	Tác động
			Ngã ba chợ Đông Hà	K3	Tác động
			Trạm khí tượng Đông Hà	KQG1	Nền
7	Huyện Đakrông	02	Cửa khẩu La Lay	K55	Tác động
			Thị trấn Krông - Klang	K51	Tác động
8	Huyện Hương Hoá	05	Khu kinh tế đặc biệt Lao Bảo	K48	Tác động
			Cửa khẩu Lao Bảo	K46	Tự động
			Thị trấn Khe Sanh	K44	Tác động
			Thôn Tà Ri, xã Húc	KN5	Nền
			Cụm công nghiệp xã Hướng Tân	K60	Tác động

Stt	Huyện/ thị xã/ thành phố	Số vị trí	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
9	Huyện Cam Lộ	02	Khu vực khai thác đá Tân Lâm	K42	Tác động
			Thị trấn Cam Lộ	K39	Tác động

9. Vị trí quan trắc môi trường đất

Stt	Huyện	Số vị trí	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Mục đích đánh giá
1	Hải Lăng	03	Xã Hải Phú	MĐ38	Mức độ ô nhiễm, thoái hóa do khô hạn và canh tác nông nghiệp
			Xã Hải Thành	MĐ43	Mức độ ô nhiễm, thoái hóa đất do ngập úng và canh tác nông nghiệp
			Xã Hải Quế	MĐ27	Mức độ ô nhiễm, thoái hóa do canh tác nông nghiệp và sử dụng hoá chất TBVTV
2	Triệu Phong	03	Thôn Trung Nam, xã Triệu An	MĐ44	Mức độ thoái hoá đất do bị nhiễm mặn ít và do nuôi trồng thủy sản
			Thôn Tường Vân, xã Triệu An	MĐ22	Mức độ thoái hoá đất do bị nhiễm phèn.
			Xã Triệu Độ	MĐ23	Mức độ ô nhiễm và thoái hóa do canh tác nông nghiệp
3	Cam Lộ	03	Xã Cam Tuyên	MĐ13	Mức độ bạc màu trên đất phù sa cổ, trảng cỏ.
			Xã Cam Hiếu	MĐ26	Mức độ ô nhiễm và thoái hóa đất do canh tác nông nghiệp và sử dụng TBVTV
			Làng nghề bún bánh thôn Cẩm Thạch, xã Cam An	MĐ33	Mức độ ô nhiễm và thoái hóa đất do canh tác nông nghiệp và sản xuất tiểu thủ công nghiệp
4	Gio Linh	02	Xã Gio Mai	MĐ16	Mức độ ô nhiễm và thoái hoá đất do nhiễm mặn, ngập úng và canh tác nông nghiệp

Stt	Huyện	Số vị trí	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Mục đích đánh giá
			Xã Gio Phong	MĐ21	Mức độ ô nhiễm và thoái hoá đất do canh tác nông nghiệp, nhiễm phèn
5	Vĩnh Linh	02	Xã Vĩnh Lâm	MĐ24	Mức độ ô nhiễm và thoái hoá đất do canh tác nông nghiệp
			Xã Vĩnh Giang	MĐ20	Quá trình nhiễm mặn đến đến thoái hoá đất
6	Đakrông	01	Xã ĐaKrong	MĐ9	Mức độ ảnh hưởng do xói mòn mạnh ở độ dốc >25 ⁰ trên đất vàng đỏ, đang trồng rừng
7	Hương Hóa	01	Phía Đông CCN Hương Tân	MĐ42	Mức độ ô nhiễm và thoái hóa đất do canh tác nông nghiệp và sản xuất công nghiệp

10. Vị trí quan trắc nước thải đô thị

Stt	Huyện	Số mẫu	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
1	Hải Lăng	01	Thị trấn Hải Lăng	NTHL	Lưu động
2	Triệu Phong	01	Điểm tại cống bên trái nhà 321 Lê Duẩn/Quốc lộ 1A, thị trấn Ái Tử	NTAT	Lưu động
3	Gio Linh	02	Điểm tại cống ở ngã tư đường Kim Đồng và Lý Thường Kiệt, thị trấn Cửa Việt	NTCV	Lưu động
			Điểm tại cống QL 1A gần ngã 3 thị trấn Gio Linh (gần chợ Cầu)	NTGL	Lưu động
4	Vĩnh Linh	03	Điểm tại cống ở sát Cửa hàng Xăng dầu số 32, đường Lê Duẩn, thị trấn Hồ Xá	NTHX	Lưu động
			Điểm tại cống thoát nước gần ngã 3 thị trấn Cửa Tùng	NTCT	Lưu động
			Điểm tại cống thoát nước gần ngã 4 thị trấn Bến Quan	NTBQ	Lưu động
5	Đakrông	01	Điểm tại cống trên đường QL9 thuộc Khóm 2, đối diện quán cà phê Đất Việt, thị trấn Krông - Klang	NTĐK	Lưu động
6	Cam Lộ	01	Điểm tại ngã ba đường Hàm Nghi và Phan Bội Châu, thị trấn Cam Lộ	NTCL	Lưu động

Stt	Huyện	Số mẫu	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
7	Hương Hóa	02	Điểm tại hồ ga, cống bê tông vuông, kín, đường Lê Duẩn, thuộc Khóm 3B, thị trấn Khe Sanh	NTKS	Lưu động
			Điểm tại hồ ga và cống (bê tông vuông, kín) đối diện nhà 182 và nhà 188, QL9, thị trấn Lao Bảo	NTLB	Lưu động

11. Vị trí quan trắc trầm tích

Stt	Vị trí quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
1	Xã Gio Mai, huyện Gio Linh, trên sông Thạch Hãn	TTTH1	Lưu động
2	Điểm tại trạm thủy văn Cửa Việt, sông Thạch Hãn	TTTH2	Cố định
3	Cách cầu Đông Hà khoảng 1km về phía hạ lưu, sông Hiếu	TTSH	Lưu động
4	Cửa Tùng, sông Bến Hải	TTBH1	Lưu động
5	Cách điểm giao nhau với sông Bến Hải 2km về phía thượng lưu, sông Sa Lung	TTBH2	Cố định
6	Thôn Lại An, xã Gio Mỹ, trên sông Cánh Hòm.	TTCH	Lưu động
7	Trạm thủy văn Hải Tân, trên sông Ô Lâu.	TTOL	Lưu động

PHỤ LỤC 2: THỜI GIAN QUAN TRẮC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-STNMT ngày tháng năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Tháng quan trắc	Các thành phần môi trường								Chất thải	Tài nguyên		Trầm tích sông	
	Biển ven bờ		Sông, hồ		Xâm nhập mặn	Nước dưới đất	Không khí			Môi trường đất	Nước thải đô thị		Nước mặt
	Nền	Tác động	Nền				Nền	Tác động					
1			X				X						
2			X				X	X					
3		X	X		X		X	X					X
4			X	X	X		X					X	
5	X	X	X		X		X	X		X	X		
6			X		X		X						
7			X		X		X	X					
8		X	X		X		X		X				
9			X	X			X	X				X	
10	X	X	X				X			X	X		
11			X				X	X					
12			X				X						